

VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI CÔNG TÁC ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PHẠM ĐỨC THUẬN*

Ngày nhận bài: 18/09/2016; ngày sửa chữa: 20/09/2016; ngày duyệt đăng: 20/09/2016.

Abstract: The article analyses situation of teacher training in Vietnam with great achievements and positive changes in developing education. However, training teacher is far from requirements of education and socio-economic development under orientation of fundamental and comprehensive education reform. Based on the analysis, article proposes some measures to enhance quality of teacher training at pedagogical universities.

Keywords: Teacher training, pedagogical universities, innovation.

1. Tổng quan về thực trạng đào tạo giáo viên (ĐTGV) ở nước ta hiện nay

Từ trước năm 1975, hai miền Nam Bắc do vấn đề lịch sử nên tồn tại hai hình thức ĐTGV khác nhau, miền Bắc có hệ thống các trường sư phạm đã được xây dựng, quản lý, tổ chức và có nội dung giảng dạy theo mô hình giáo dục Liên Xô và các nước trong khối xã hội chủ nghĩa như: Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) Hà Nội, Trường ĐHSP Vinh, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc, Trường Dự bị Đại học Dân tộc Sầm Sơn (Thanh Hóa). Miền Nam có hệ thống các trường đào tạo sư phạm được xây dựng và tổ chức giảng dạy theo mô hình giáo dục Hoa Kỳ, tiêu biểu như: Trường Đại học Văn khoa Sài Gòn, Viện Đại học Huế, Viện Đại học Cần Thơ,...

Sau khi đất nước thống nhất, nền giáo dục đại học Việt Nam cũng có bước chuyển mình mạnh mẽ, trong đó có các trường đại học mở ngành sư phạm. Nhờ vào sự chi viện, hỗ trợ từ các trường ĐHSP miền Bắc như: ĐHSP Hà Nội, ĐHSP Vinh mà các trường sư phạm phía Nam như: Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh, Trường ĐHSP Huế, Trường ĐHSP - Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học Cần Thơ... có đội ngũ cán bộ giảng dạy sư phạm sẵn có thay thế sự thiếu hụt trầm trọng đội ngũ giảng viên do hậu quả của chiến tranh để lại, chính đây là thế hệ tiên phong trong công tác ĐTGV sau ngày thống nhất đất nước. Từ đó, các trường ĐHSP, Khoa Sư phạm ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam đã có những nỗ lực vượt bậc trong công tác đào tạo đội ngũ cán bộ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục phục vụ cho sự nghiệp GD-ĐT nước nhà.

Từ năm 1986 đến nay, trước xu thế đổi mới và hội nhập quốc tế, các trường đại học ở Việt Nam được thành lập nhiều hơn và từng bước nâng cao chất lượng đào tạo. Trước tình hình đó, hàng loạt các trường cao đẳng sư phạm địa phương cũng được nâng cấp lên

thành trường Đại học với ngành nghề đào tạo chủ yếu là ngành sư phạm bậc đại học (giáo viên trung học phổ thông) và sư phạm bậc cao đẳng (giáo viên trung học cơ sở). Điều này đã góp phần bù đắp sự thiếu hụt giáo viên trung học phổ thông trong những giai đoạn khó khăn nhưng cũng dẫn bộc lộ những khiếm khuyết nghiêm trọng trong việc xây dựng một kế hoạch bài bản nhằm ổn định số lượng và chất lượng đào tạo giáo viên sau này. Hiện nay, tổng số trường đại học có đào tạo ngành sư phạm (không tính đến các trường Đại học Sư phạm kỹ thuật) ước khoảng 26 trường (bảng 1) với số lượng khoảng 40.000 sinh viên/khóa/năm.

Bảng 1. Một số trường đại học đào tạo khối ngành sư phạm ở Việt Nam

STT	Tên trường	Cấp quản lý	Ghi chú
1	Trường ĐHSP Hà Nội	Bộ GD-ĐT	Cầu lạc bộ Hiệu trưởng các trường ĐHSP
2	Trường ĐHSP Hà Nội 2	Bộ GD-ĐT	Cầu lạc bộ Hiệu trưởng các trường ĐHSP
3	Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội	Đại học Quốc gia Hà Nội	Cầu lạc bộ Hiệu trưởng các trường ĐHSP
4	Trường Đại học Tây Bắc	Bộ GD-ĐT	
5	Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên	Bộ GD-ĐT	Cầu lạc bộ Hiệu trưởng các trường ĐHSP
6	Trường Đại học Hùng Vương	Tỉnh/Thành phố	
7	Trường Đại học Vinh	Bộ GD-ĐT	Cầu lạc bộ Hiệu trưởng các trường ĐHSP
8	Trường Đại học Hà Tĩnh	Tỉnh/Thành phố	
9	Trường Đại học Hồng Đức	Tỉnh/Thành phố	
10	Trường Đại học Quảng Bình	Tỉnh/Thành phố	
11	Trường Đại học Quảng Nam	Tỉnh/Thành phố	
12	Trường ĐHSP - ĐH Huế	Bộ GD-ĐT	Cầu lạc bộ Hiệu trưởng các trường ĐHSP
13	Trường ĐHSP - ĐH Đà Nẵng	Bộ GD-ĐT	Cầu lạc bộ Hiệu trưởng các trường ĐHSP
14	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	Tỉnh/Thành phố	
15	Trường Đại học Quy Nhơn	Bộ GD-ĐT	Cầu lạc bộ Hiệu trưởng các trường ĐHSP
16	Trường Đại học Đà Lạt	Bộ GD-ĐT	
17	Trường Đại học Phú Yên	Tỉnh/Thành phố	
18	Trường Đại học Tây Nguyên	Bộ GD-ĐT	
19	Trường Đại học Thủ Dầu Một	Tỉnh/Thành phố	
20	Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh	Bộ GD-ĐT	Cầu lạc bộ Hiệu trưởng các trường ĐHSP
21	Trường Đại học Sài Gòn	Tỉnh/Thành phố	
22	Trường Đại học Cần Thơ	Bộ GD-ĐT	
23	Trường Đại học An Giang	Tỉnh/Thành phố	
24	Trường Đại học Tiền Giang	Tỉnh/Thành phố	
25	Trường Đại học Đồng Tháp	Bộ GD-ĐT	Cầu lạc bộ Hiệu trưởng các trường ĐHSP
26	Trường Đại học Bạc Liêu	Tỉnh/TP	

(Nguồn: Website các trường đại học/ĐHSP trên cả nước)

* Trường Đại học Cần Thơ

Mỗi năm số lượng thí sinh xét tuyển vào ngành sư phạm vẫn chiếm một tỉ lệ khá lớn trong tổng số học sinh đăng kí xét tuyển vào các trường Đại học trên cả nước. Bên cạnh những thí sinh xét tuyển vào ngành sư phạm vì ngành học này không phải đóng học phí thì phần lớn đều là những em có học lực khá, giỏi, có tâm huyết, yêu thích nghề sư phạm. Tuy nhiên, thực tế thì ngành sư phạm cũng đang dần mất sức hút và khả năng tuyển sinh, những học sinh có chất lượng đầu vào cao ngày càng “vơi” dần. Vậy, nguyên nhân do đâu? Chúng tôi cho rằng, có những nguyên nhân như sau:

- Công việc sau khi ra trường thật sự là một vấn đề nan giải với sinh viên ngành sư phạm, không hiếm những em sinh viên sư phạm với tấm bằng chính quy loại Khá, Giỏi hay thậm chí Xuất sắc trên tay nhưng vẫn phải đi làm trái ngành, thậm chí quay lại với ngành học khác, kể cả Trung cấp nghề, làm việc lao động phổ thông để tìm cơ hội mới, qua thực tế cuộc sống và những phản ánh từ báo chí chúng ta có thể hình dung nổi thất vọng lớn lao của những sinh viên này. Theo PGS.TS. Bùi Văn Quân (Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội), *“Cho dù tăng số học sinh trên giáo viên bình quân lên tương đương các nước công nghiệp phát triển thì tại thời điểm năm 2020, hệ thống cũng không thể tuyển dụng hết số giáo viên mới tốt nghiệp ra trường, vẫn thừa khoảng 41.000 đối với tiểu học, 12.200 với trung học cơ sở và 16.900 với trung học phổ thông. Như vậy, ước tính đến năm 2020, Việt Nam sẽ có đến khoảng 70.000 sinh viên sư phạm thất nghiệp”* [1; tr 448].

- Công việc khi ra trường không mang lại thu nhập cao trong khi bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay chi phối mọi mặt của cuộc sống với đời sống ngày càng khó khăn, sinh hoạt “đắt đỏ”. Lương trung bình của một sinh viên mới tốt nghiệp với khoảng 3-3,5 triệu đồng/tháng không thể bảo đảm cuộc sống của các em chứ chưa nói gì đến chuyện lo cho cuộc sống tương lai, lo cho gia đình, trang trải bù đắp những thiếu hụt trong những năm đi học... Trong xu hướng chung đó, những sinh viên sư phạm khối ngành khoa học xã hội càng khó khăn hơn khi họ dường như không thể trông chờ vào một khoản thu nhập nào khác (dạy thêm hoặc làm thêm) ngoài những tiết dạy trên lớp với số giờ rất ít.

- Nghề sư phạm không đơn giản là nghề “nhàn nhã” như nhiều người thường nghĩ, các thầy cô giáo ban ngày trên lớp, ban đêm phải soạn bài, chấm bài, làm nhiều công việc “không tên” vì học sinh của mình và vì trường lớp. Còn đó hàng loạt thủ tục thanh kiểm

tra, hàng loạt các sổ sách phải ghi chép... mà nếu không yêu nghề thì không phải ai cũng có thể theo đuổi đến cùng con đường sư phạm với quá nhiều những thủ tục hành chính, những công việc không thiết thực và mang tính hình thức.

- Trong xu thế hội nhập vào nền giáo dục toàn cầu, hiện một số ngành kĩ thuật, kinh tế ở một số trường đã đạt chuẩn AUN; tuy nhiên, hầu như chưa có ngành sư phạm nào của Việt Nam đạt được tiêu chuẩn này. Theo đó, cơ sở vật chất, định mức đầu tư cho giáo dục sư phạm vẫn còn nhiều hạn chế. Ngành sư phạm từ lâu được xem là ngành có sự bao cấp lớn từ nhà nước, tuy nhiên việc hình thành quá nhiều trường sư phạm đã khiến cho nguồn lực của nhà nước bị phân tán, dẫn đến cơ sở hạ tầng, khung chương trình, giáo trình, bài giảng, chất lượng giáo dục, thực tập, thực tế gặp rất nhiều khó khăn, thiếu tính cập nhật và hội nhập quốc tế.

Tạm dừng lại ở bốn nguyên nhân trên, có thể thấy, nguyên nhân quan trọng nhất khiến cho thí sinh không chọn ngành sư phạm không phải vì thu nhập thấp, vì vất vả mà là vì không có chỗ để dạy, công tác khi ra trường. Các em hoàn toàn có thể vượt qua những trở ngại của cuộc sống để thực hiện ước mơ của mình nhưng cơ hội xin được nơi để công tác giảng dạy hiện nay là rất khó khăn.

Có thể ví dụ ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay: bên cạnh Trường Đại học Cần Thơ là Trường Đại học trọng điểm ở vùng về đào tạo trong đó có đào tạo ngành sư phạm, mỗi năm số lượng sinh viên trúng tuyển các ngành sư phạm hơn 1.000, bên cạnh đó còn có các trường như Đại học Đồng Tháp, Đại học An Giang, Đại học Tiền Giang, Đại học Bạc Liêu... cũng tuyển sinh ngành sư phạm với số sinh viên khoảng 500/khóa/trường. Trong khi đó, mỗi năm theo chỉ tiêu bổ nhiệm giáo viên từ 13 Sở GD-ĐT Đồng bằng sông Cửu Long chỉ khiêm tốn ở con số trung bình 3-7 giáo viên/ngành, thậm chí có sở chỉ tuyển vài chỉ tiêu với tất cả các ngành, vì vậy sẽ có tình trạng không có chỉ tiêu cho một ngành nhất định. Trong khi đó, hiện tượng thiếu giáo viên được đào tạo chính quy cho bậc học Mầm non, Tiểu học xuất hiện thường xuyên.

2. Một số biện pháp nhằm đổi mới công tác ĐTGV trung học phổ thông hiện nay

2.1. Quy hoạch tổng thể mạng lưới các trường ĐHSP trong cả nước và xem xét chính sách miễn giảm học phí hiện nay: Đây là một biện pháp đã được nhiều nhà khoa học giáo dục có tâm huyết nêu lên từ lâu, tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện được.

Thiết nghĩ, đây là lúc cần phải mạnh dạn thực hiện, không nên để tình trạng “cào bằng” công tác đào tạo ngành sư phạm như hiện nay. Có thể thực hiện công tác quy hoạch như duy trì quy mô ổn định công tác ĐTGV tại các trường ĐHSP trọng điểm truyền thống và trường đại học trọng điểm Quốc gia, đây là những trường có bề dày lịch sử trong công tác đào tạo như Trường ĐHSP Hà Nội, Trường ĐHSP TP. Hồ Chí Minh, Trường ĐHSP - Đại học Huế,... Đây là các trường có nhiệm vụ quan trọng trong công tác đào tạo đại học và sau đại học cho ngành sư phạm, đồng thời đảm bảo nguồn tuyển sinh sư phạm có chất lượng ở ba vùng miền của cả nước. Các Trường ĐHSP, Khoa Sư phạm có tính chất vùng như Trường ĐHSP - Đại học Thái Nguyên sẽ phụ trách ĐTGV ở khu vực Đông bắc và Tây bắc Việt Nam, Trường Đại học Vinh phụ trách ĐTGV ở vùng Bắc Trung Bộ, Trường ĐHSP - Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Quy Nhơn sẽ đảm nhiệm công tác ĐTGV ở duyên hải miền trung và Tây Nguyên, ở Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ sẽ đóng vai trò chính trong công tác ĐTGV cho toàn vùng... Thiết nghĩ, việc quy hoạch như vậy sẽ gây ra nhiều khó khăn trong công tác sắp xếp, luân chuyển nhân sự, tuy nhiên đây hoàn toàn là một phương án có thể thực hiện được trên cơ sở các đơn vị không có truyền thống đào tạo ngành sư phạm có thể trở thành phân hiệu hoặc từng bước chuyển đổi mô hình, phương thức đào tạo, như vậy mới có thể phần nào khắc phục được tình trạng thừa giáo viên và việc đầu tư cho ngành sư phạm của nhà nước không bị lãng phí, dàn trải và thiếu hiệu quả như hiện nay. Bên cạnh đó, chính sách miễn giảm học phí đối với ngành sư phạm cũng nên được xem xét một cách hợp lý, thậm chí thay vì miễn giảm học phí, chúng ta có thể xây dựng một khung lương cơ bản cho giáo viên dựa trên mức học phí đã đóng trong quá trình đào tạo, như vậy có thể nâng cao thu nhập cho giáo viên trẻ khi mới ra trường và cũng có thể bớt đi gánh nặng ngân sách của nhà nước.

2.2. Các Sở GD-ĐT cần thông báo nhu cầu tuyển dụng giáo viên hằng năm cũng như nhu cầu trong những năm tiếp theo với các trường ĐHSP/Khoa Sư phạm để trên cơ sở đó, các đơn vị này xác định chỉ tiêu tuyển sinh của mình sao cho phù hợp với nhu cầu xã hội: ĐTGV theo nhu cầu xã hội từ lâu đã trở thành một vấn đề bàn thảo sâu rộng trên nhiều diễn đàn. Đây là một biện pháp rất tốt để tăng tính hiệu quả trong công tác tuyển sinh và bảo đảm đầu ra cho sinh viên sư phạm. Hiện nay, ở một số tỉnh thành đã có những Sở GD-ĐT gửi chỉ tiêu

đến các trường cao đẳng sư phạm địa phương, theo đó, Sở sẽ đề xuất với trường về số lượng sinh viên cần tuyển theo nhu cầu của sở giáo dục (Giáo viên trung học cơ sở). Biện pháp này sẽ giúp tiết kiệm phần nào ngân sách chi cho công tác đào tạo sinh viên sư phạm hằng năm của nhà nước và phần nào khắc phục được tình trạng khó tuyển sinh viên giỏi vào ngành sư phạm như hiện nay.

2.3. Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo theo học chế tín chỉ. Theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT, từ năm 2007 đến nay, hầu hết các trường sư phạm trên cả nước dần thực hiện theo tinh thần đào tạo tín chỉ, học chế tín chỉ giúp người học phát huy khả năng của mình, đồng thời trang bị cho người học những kĩ năng cần thiết trong cuộc sống hiện tại. ĐTGV theo học chế tín chỉ giúp sinh viên sư phạm trang bị cho mình những kĩ năng cần thiết để có thể trở thành một nhà giáo mẫu mực trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, góp phần quan trọng vào việc cải tiến phương pháp dạy và học. Trước xu hướng hội nhập và những đòi hỏi cao của quá trình đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục, việc thực hiện mô hình ĐTGV theo hình thức tín chỉ là rất cần thiết và cần đi vào thực chất. Dù có những bất cập khi thực hiện việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Việt Nam hiện nay nhưng đây không phải là những hạn chế quá lớn không thể khắc phục, chúng ta hoàn toàn có thể theo đuổi một mô hình giáo dục hiện đại trong công tác ĐTGV một cách hợp lý với điều kiện Việt Nam [2], [3].

Kì thi tuyển sinh đại học các năm vừa qua đã cho thấy những bất cập trong công tác ĐTGV hiện nay, những học sinh giỏi có xu hướng không chọn ngành sư phạm, hiện tượng đầu vào ngành sư phạm ngày càng thấp. Điều này đòi hỏi những nhà quản lí, những nhà sư phạm phải can thiệp và có những hành động thiết thực tích cực và hiệu quả. Có thể khẳng định rằng, GD-ĐT nước nhà không thể phát triển nếu chúng ta không có những nhà sư phạm, những giáo viên tài năng, nhiệt huyết với sự nghiệp trồng người. Các trường ĐHSP, Khoa Sư phạm nên ngồi lại với nhau để tìm ra một phương án hợp lý cho vấn đề này, nếu chúng ta chung sức, chung lòng tin chắc rằng nền giáo dục Việt Nam sẽ có bước phát triển bền vững và tự tin sánh vai cùng các “cường quốc năm châu” như Bác Hồ từng căn dặn. □

Tài liệu tham khảo

[1] Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (2016). *Kiểm yếu hội thảo khoa học Quốc gia Đào tạo giáo viên tại các* (Xem tiếp trang 48)

trình đào tạo GV có nội dung gắn với địa phương;
3) Tăng cường thực hành trong quá trình đào tạo GV. Xây dựng các trường học vệ tinh, tạo môi trường cho người học tiếp cận với thực tiễn nghề nghiệp trong suốt quá trình đào tạo.

- *Đa dạng hóa hình thức BDGV*: Theo thống kê đầu năm học 2016-2017, cả nước có 856.730 GV phổ thông. Tất cả số này đều cần được bồi dưỡng PTCM để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Với số lượng lớn như vậy, nếu triển khai bồi dưỡng chỉ sử dụng mô hình tập trung rất khó và kém hiệu quả; Do đó, cần phát huy ưu thế của mô hình kèm cặp, tư vấn kết hợp với tự bồi dưỡng chuyên môn của GV tại nơi làm việc; đồng thời, đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học; cần xây dựng quan hệ hợp tác giữa các trường phổ thông và các trường đại học, cao đẳng để các GV có thể chia sẻ những vấn đề về giáo dục hoặc thực hiện các nghiên cứu trong lĩnh vực giáo dục. Thiết lập mạng lưới hỗ trợ công tác PTCM giữa GV các môn học của các trường phổ thông để GV cùng mạng lưới chia sẻ kinh nghiệm, phối hợp nghiên cứu.

Ngoài các đợt bồi dưỡng được thực hiện theo kiểu “từ trên xuống”, việc bồi dưỡng phải được tiến hành mọi nơi, mọi lúc theo kiểu “từ dưới lên”. Trong đó, cần nhận thức được tổ chức các nhóm tự BDGV theo mô hình liên môn và liên trường là một trong những con đường tự bồi dưỡng thiết thực và hiệu quả. Cùng với bồi dưỡng theo tổ chuyên môn, hình thức bồi dưỡng theo mô hình “liên tổ” trong mỗi trường có tác dụng thiết thực theo từng nội dung tự bồi dưỡng. Hình thức bồi dưỡng “liên trường” hoặc theo “cụm trường” có tác dụng rất lớn trong việc giúp đỡ nâng cao năng lực chuyên môn GV giữa các trường. Hàng tháng, hàng quý, các tổ “liên trường” hoặc “cụm trường” cùng tiến hành dự giờ, trao đổi về một chủ đề chuyên môn,... Trong năm, thường xuyên trao đổi tài liệu, thông tin chuyên môn, giúp các GV giải có điều kiện để tra cứu chuyên môn và giúp đỡ đồng nghiệp; các GV khác có điều kiện học hỏi thêm, hoặc được giải đáp bằng ý kiến thống nhất của tập thể về những điều còn băn khoăn,...

Cần phân cấp quản lý hoạt động PTCM cho GV. Tự bồi dưỡng là công việc thiết yếu của từng GV. Thành lập các tổ tự bồi dưỡng liên môn, liên trường cần nhiều đến vai trò của các tổ trưởng chuyên môn. Xây dựng các tổ bồi dưỡng “cụm trường” cần nhiều đến vai trò của hiệu trưởng. Định hướng các chủ đề tự bồi dưỡng, hoặc sinh hoạt chuyên môn cần đến các phòng chức

năng của Sở GD-ĐT. Sự phối hợp có hiệu quả giữa các thành phần trên sẽ làm cho việc tự bồi dưỡng của GV ngày càng có hiệu quả hơn.

PTCM cho GV là công việc lâu dài, bắt đầu từ khi sinh viên (GV tương lai) bước chân vào trường Sư phạm cho đến lúc nghỉ hưu. Công việc này nếu được thực hiện tốt sẽ có tác động quyết định đến chất lượng giáo dục. Tuy nhiên, chỉ có thể đạt hiệu quả nếu như có sự thay đổi đồng bộ từ nhận thức đến hành động của các nhà quản lý, của các GV, chính sách đối với việc phát triển chuyên và cách thức tổ chức, thực hiện. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Thị Tuyết Hạnh (2016). *Nghiên cứu triển khai một số mô hình phát triển chuyên môn cho giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*. Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 59 (120), tr 17-20.
- [2] Nguyễn Thị Tuyết Hạnh - Phạm Minh Giản (2014). *Kinh nghiệm quốc tế về phát triển giáo viên và bài học cho Việt Nam trong đổi mới giáo dục phổ thông sau năm 2015*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 101, tr 61-64.
- [3] Nguyễn Thị Hồng Nam - Trịnh Quốc Lập - Bùi Lan Chi (2011). *Những vấn đề lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn trong phát triển chuyên môn cho giáo viên trung học*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ, số 18, tr 128-138.
- [4] Phạm Hồng Quang (2009). *Giải pháp đào tạo giáo viên theo định hướng năng lực*. Tạp chí Giáo dục, số 216; tr 9-12.
- [5] Hoàng Đức Minh (2015). *Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên trung học cơ sở vùng đặc biệt khó khăn thông qua sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề ở cụm trường*. Tạp chí Quản lý Giáo dục, số 78, tr 31-33.

Vấn đề đổi mới công tác...

(Tiếp theo trang 55)

trường đại học đa ngành đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, tr 448.

[2] Bộ GD-ĐT (2007). *Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ GD-ĐT: Ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ*.

[3] Phạm Đức Thuận (2012). *Công tác đào tạo giáo viên Lịch sử - Trường Đại học Cần Thơ từ năm 2007 đến nay*. Tạp chí Giáo dục, số 297, tr 25-27.

[4] Hoàng Đình Huy (2009). *Đổi mới giáo dục và đào tạo - Thời cơ và thách thức*. NXB Lao động.

[5] Bộ GD-ĐT (2012). *Quy hoạch phát triển nhân lực ngành giáo dục và đào tạo đến năm 2020*.